https://trungtamthuoc.com/

VIÊN NÉN BAO PHIM GMP-WHO

Magnesi B6

MAGNESIUM - PYRIDOXINE

Công thức:

Magnesi lactat dihydrat ..... 470 mg

Pyridoxin hydroclorid ..... 5 mg

Tá dược: Tinh bột sắn, Lactose monohydrate 200 mesh, Era - gel, Povidon K30, Magnesi stearat, Croscarmellose natri, bột Talc, Hydroxypropylmethyl cellulose 15cps, Polyethylen glycol 6000, Titan dioxyd vđ .....1 viên.

Dạng bào chế: Viên nén bao phim.

Quy cách đóng gói: Hộp 5 vỉ x 10 viên nén bao phim. Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.

Dược lực học:

Magnesi lactat dihydrat:

Magnesi là một ion dương có nhiều trong nội bào. Magnesi làm giảm tính kích thích của nơron và sự dẫn truyền nơron cơ. Magnesi tham gia vào nhiều phản ứng men.

Magnesi lactat dihydrat được sử dụng đường uống như một nguồn bổ sung Mg^{2+} trong điều trị thiếu hụt Magnesi.

Pyridoxin hydroclorid:

Pyridoxin hydroclorid là một vitamin tan trong nước tồn tại dưới 3 dạng (pyridoxine, pyridoxal và pyridoxamin). Khi vào cơ thể, chúng biến đổi thành pyridoxal phosphate và pyridoxamin phosphate. Hai chất này hoạt động như những coenzyme trong chuyển hóa protein, glucid và lipid. Ngoài ra, chúng còn tham gia tổng hợp acid gamma-aminobutyric (GABA) trong hệ thần kinh trung ương và tham gia tổng hợp hemoglobulin. Nhu cầu pyridoxine hàng ngày cho người lớn khoảng 1,6 - 2 mg, là lượng có trong khẩu phần ăn bình thường.

Nhu cầu pyridoxine ở trẻ em là 0,3 - 2 mg và người mang thai hoặc cho con bú là 2,1 - 2,2 mg.

Dược động học:

Magnesi lactat dihydrat:

Magnesi hấp thu chậm và không hoàn toàn qua đường tiêu hóa, ngay cả những dạng muối tan.

Chỉ khoảng 1/3 lượng magnesi được hấp thu qua ruột non sau khi uống.

Khoảng 25 - 30% magnesi gắn với protein huyết tương.

Magnesi dùng đường uống được thải trừ trong nước tiểu (đối với phần được hấp thu) và trong phân (đối với phần không được hấp thu). Một lượng nhỏ magnesi được tìm thấy trong sữa mẹ.

Magnesi qua được nhau thai.

Pyridoxin hydroclorid:

Pyridoxin được hấp thu nhanh chóng qua đường tiêu hóa sau khi uống và được biến đổi thành các dạng có hoạt tính gồm pyridoxal phosphate và pyridoxamin phosphate. Các chất này phần lớn dự trữ ở gan và bị oxy hóa thành acid 4 - pyridoxic và các chất chuyển hóa không hoạt tính khác, được thải trừ trong nước tiểu. Khi liều dùng vượt quá nhu cầu của cơ thể, lượng thừa sẽ thải trừ qua nước tiểu dưới dạng không đổi. Pyridoxal qua được nhau thai và phân bố trong sữa mẹ.

https://trungtamthuoc.com/

Chỉ định:

Điều trị các trường hợp thiếu magnesi như có thai, nuôi con bú, nghiện rượu, suy dinh dưỡng, kém hấp thu magnesi, nôn mửa, tiêu chảy, bỏng.

Điều trị các rối loạn chức năng của những cơn lo âu đi kèm với tăng thông khí (còn được gọi là tạng co giật) khi chưa có điều trị đặc hiệu.

Liều dùng - Cách dùng:

Liều cho người lớn:

Thiếu magnesi: Uống 6 viên/ ngày, chia làm 2 lần.

Tạng co giật: Uống 4 viên/ ngày, chia làm 2 lần.

Hoặc theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

Cách dùng: Uống thuốc với nhiều nước.

Chống chỉ định:

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Suy thận nặng với độ thanh thải của creatinine dưới 30 ml/ phút.

Cảnh báo và thận trọng khi sử dụng:

Không dùng chung với bất kỳ thuốc khác có chứa magnesi hay vitamin B6.

Khi có thiếu calci đi kèm thì cần phải bù magnesi trước khi bù calci

Thận trọng khi sử dụng trên bệnh nhân suy thận.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Chỉ nên dùng thuốc này cho phụ nữ có thai khi thật cần thiết. Do magnesi được bài tiết qua sữa mẹ, không nên dùng thuốc cho phụ nữ đang cho con bú.

Tác động của thuốc đối với người lái xe và vận hành máy móc: Không có những cảnh báo về ảnh hưởng bất lợi của thuốc đối với người bệnh khi lái xe hay vận hành máy móc.

Tương tác thuốc và các tương tác khác:

Tránh dùng kết hợp magnesi với các chế phẩm có chứa phosphat hoặc muối calci (ức chế quá trình hấp thu magnesi tại ruột non).

Khi dùng kết hợp với tetracyline đường uống thì hai loại thuốc này phải uống cách nhau ít nhất 3 giờ. Do trong chế phẩm có chứa pyridoxin nên không phối hợp với levodopa.

Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Có thể gây tiêu chảy, đau bụng.

Trong trường hợp xảy ra phản ứng không mong đợi nên tham khảo ý kiến của bác sĩ.

Quá liều và xử trí:

Triệu chứng: Không có thông tin về quá liều do thuốc.

Xử trí: Nếu có quá liều xảy ra, chủ yếu điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

Bảo quản: Trong bao bì kín, nơi khô, dưới 30^0C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM
NẾU CẦN BIẾT THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ
THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SĨ

USARICHPHARM

CN CTY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ
NHÀ MÁY DƯỢC PHẨM USARICHPHARM
Lô 12, đường số 8, KCN Tân Tạo, TP.HCM
ĐT: (08) 37.547.997 - Web: www.duocphongphu.com.vn